



## BẢN TIN NGHIỆP VỤ THÁNG 12 NĂM 2020

### A. VĂN BẢN PHÁP QUY MỚI BAN HÀNH

#### ● CHÍNH PHỦ

##### 1. Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động

- Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung về điều kiện lao động và quan hệ lao động theo các điều, khoản sau đây của Bộ luật Lao động: Quản lý lao động; Hợp đồng lao động; Cho thuê lại lao động; Tổ chức đối thoại và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc; Tiền lương; Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất; Lao động nữ và bảo đảm bình đẳng giới; Lao động là người giúp việc gia đình; Giải quyết tranh chấp lao động
- Đối tượng áp dụng: Người lao động, người học nghề, tập nghề; Người sử dụng lao động; Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện quy định tại Nghị định này.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

##### 2. Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020

Quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

- Nghị định này quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam theo các điều, khoản của Bộ luật Lao động.
- Đối tượng áp dụng: Lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam; Người sử dụng người lao động nước ngoài; Tổ chức nước ngoài tại Việt Nam là cơ quan, tổ chức nước ngoài được cấp có thẩm quyền của Việt Nam cho phép hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam; Cá nhân nước ngoài tại Việt Nam là người nước ngoài làm việc tại tổ chức quy định tại khoản 3 Điều này hoặc người được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép cư trú tại Việt Nam; Người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; Tổ chức dịch vụ việc làm và doanh nghiệp cho thuê lại lao động cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam liên quan đến tuyển dụng, giới thiệu, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

#### ● BỘ TÀI CHÍNH

##### 3. Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2020

Hướng dẫn về đăng ký thuế

- Thông tư này quy định chi tiết về đối tượng đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 30 Luật Quản lý thuế; cấu trúc mã số thuế; hồ sơ, thủ tục, mẫu biểu đăng ký thuế (bao gồm đăng ký thuế lần đầu; cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế; thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế;



thông báo tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; chấm dứt hiệu lực mã số thuế; khôi phục mã số thuế; đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp, tổ chức) theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 30, Điều 31, 34, 36, 37, 38, 39, 40 Luật Quản lý thuế.

- Đối tượng áp dụng quy định tại Thông tư này bao gồm: Người nộp thuế; cơ quan quản lý thuế; công chức quản lý thuế; cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan theo quy định tại Điều 2 Luật Quản lý thuế.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2021.

## B. CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN - TRẢ LỜI

### ● TỔNG CỤC THUẾ

#### 4. Số 5189/TCT-CS ngày 07 tháng 12 năm 2020

V/v giới thiệu các nội dung mới của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế

- Ngày 13/6/2019, Quốc hội khoá XIV đã thông qua Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 với hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.
- Ngày 19/10/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế, có hiệu lực thi hành từ ngày 5/12/2020.
- Tổng cục Thuế giới thiệu các nội dung mới của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và đề nghị các Cục Thuế khẩn trương tuyên truyền, phổ biến, thông báo cho cán bộ thuế và người nộp thuế trên địa bàn quản lý biết. *(Chi tiết nội dung cụ thể theo Phụ lục đính kèm).*

#### 5. Số 5258/TCT-QLN ngày 10 tháng 12 năm 2020

V/v đôn đốc thu tiền thuế nợ

- Áp dụng ngay các biện pháp đôn đốc thu nợ đối với người nộp thuế còn nợ tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp. Trường hợp người nộp thuế nợ thuế, chây ì kéo dài, Cục Thuế thực hiện đầy đủ các biện pháp đôn đốc, cưỡng chế để thu hồi tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thu nợ thuế đã giao tại công văn số 3095/TCT-QLN ngày 04/8/2020 của Tổng cục Thuế.
- Đối với các khoản tiền thuế nợ đã thực hiện khoan nợ, xoá nợ theo quy định của Nghị quyết 94/2019/QH14 và Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Cục Thuế không tính vào tổng số tiền thuế nợ đến cuối năm 2020 để bình xét thi đua cho tập thể, cá nhân trong ngành thuế.

#### 6. Số 5265/TCT-DNNCN ngày 11 tháng 12 năm 2020

V/v chính sách thuế đối với hoạt động cho thuê nhà của cá nhân không cư trú

Cá nhân không cư trú có tài sản cho thuê tại Việt Nam thì thuộc diện điều chỉnh của pháp luật thuế GTGT, thuế TNCN và lệ phí môn bài như đối với cá nhân cư trú. Cá nhân thực hiện việc khai thuế, nộp thuế theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh. Riêng đối với lệ phí môn bài người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai lệ phí môn bài, cơ quan thuế căn cứ hồ sơ khai thuế, cơ sở dữ liệu quản lý thuế để xác định và thông báo mức lệ phí môn bài phải nộp hằng năm cho người nộp thuế.



● **CỤC THUẾ TP. HÀ NỘI**

**7. Số 105209/CTHN-TTHT ngày 08 tháng 12 năm 2020**

V/v chính sách thuế TNCN đối với cá nhân hợp tác kinh doanh

- Trường hợp Công ty và nhà đầu tư cá nhân tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh để kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật và phân chia kết quả bằng doanh thu, Công ty xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho khách hàng thì khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng theo hợp đồng Công ty có trách nhiệm xuất hoá đơn, ghi nhận doanh thu, xác định thu nhập tính thuế TNDN theo quy định.
- Khi chia lại doanh thu cho cá nhân theo hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty lập chứng từ chi, đối với thu nhập từ kinh doanh cá nhân nhận được cá nhân có trách nhiệm tự kê khai, nộp thuế nộp thuế GTGT, TNCN theo tỷ lệ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư 92/2015/TT-BTC hoặc cá nhân uỷ quyền cho Công ty khai và nộp thuế thay theo hướng dẫn tại Điều 6, Điều 7 Thông tư số 92/2015/TT-BTC nêu trên.

**8. Số 105936/CTHN-TTHT ngày 10 tháng 12 năm 2020**

V/v chữ viết không dấu trên hoá đơn điện tử

- Trong thời gian nêu trên, trường hợp cơ quan thuế chưa thông báo đơn vị chuyển đổi để sử dụng hoá đơn điện tử theo Nghị định 119/2018/NĐ-CP, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP thì đơn vị vẫn áp dụng hoá đơn theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Trường hợp Công ty sử dụng chữ tiếng Việt không dấu trên hoá đơn điện tử thì các chữ viết không dấu trên hoá đơn phải đảm bảo không dẫn tới cách hiểu sai lệch nội dung của hoá đơn theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC. Công ty tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung hoá đơn điện tử được lập.

**9. Số 108004/CTHN-TTHT ngày 17 tháng 12 năm 2020**

V/v thời điểm lập và ký hoá đơn điện tử

Thời điểm lập hoá đơn điện tử thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định 51/2010/NĐ-CP và hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC. Hoá đơn điện tử phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung bắt buộc (bao gồm cả chữ ký điện tử của người bán) theo hướng dẫn tại Điều 6 Thông tư số 32/2011/TT-BTC thì được xác định là hoá đơn hợp pháp. Trường hợp ngày ký hoá đơn thực hiện sau ngày lập hoá đơn điện tử thì Công ty phải căn cứ vào ngày lập hoá đơn điện tử để xác định nghĩa vụ kê khai, nộp thuế và hạch toán theo quy định.

**10. Số 107998/CTHN-TTHT ngày 17 tháng 12 năm 2020**

V/v kê khai thuế của đơn vị phụ thuộc có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế TNDN

- Từ ngày 05/12/2020 (ngày Nghị định số 126/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành), trường hợp đơn vị phụ thuộc có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì đơn vị phụ thuộc khai thuế TNDN tại cơ quan thuế nơi có đơn vị phụ thuộc (tỉnh Hưng Yên) theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.
- Về thủ tục thực hiện ưu đãi thuế TNDN: Đơn vị tự xác định các điều kiện ưu đãi thuế, mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế, số lỗ được trừ (-) vào thu nhập tính thuế để tự kê khai và tự quyết toán thuế với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.



**11. Số 109319/CTHN-TTHT ngày 23 tháng 12 năm 2020**

**V/v chính sách thuế GTGT**

Công ty SCRGV cung cấp dịch vụ quản lý sản xuất và chuỗi cung ứng bao gồm quản lý quy trình sản xuất, hỗ trợ kế hoạch sản xuất, đánh giá đảm bảo chất lượng, tư vấn theo yêu cầu của khách hàng... cho tổ chức ở nước ngoài là Supply Chain Resources Group (có trụ sở tại Mỹ) và kết quả dịch vụ này được tiêu dùng ngoài Việt Nam thì được xác định là dịch vụ xuất khẩu áp dụng thuế suất thuế GTGT là 0% nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại tiết b Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC và không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC nêu trên.

**12. Số 109322/CTHN-TTHT ngày 23 tháng 12 năm 2020**

**V/v kê khai, nộp thuế TNDN từ hoạt động chuyên nhượng vốn của tổ chức nước ngoài**

- Công ty Camtech Global Pte.Ltd tại Singapore phát sinh thu nhập từ hoạt động chuyên nhượng toàn bộ 49% vốn góp của mình tại Công ty TNHH Kolen Vina cho tổ chức nước ngoài khác không hiện diện tại Việt Nam, không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp (Công ty Kolen Co.Ltd tại Hàn Quốc) thì hoạt động này thuộc diện phải kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyên nhượng vốn tại Việt Nam.
- Công ty TNHH Kolen Vina (doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam) có trách nhiệm kê khai và nộp thay số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với thu nhập phát sinh từ giao dịch chuyên nhượng vốn của Công ty Camtech Global Pte.Ltd tại Singapore. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế là ngày thứ 10 (mười) kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền chuẩn y việc chuyển nhượng vốn, hoặc ngày thứ 10 (mười) kể từ ngày các bên thoả thuận chuyển nhượng vốn tại hợp đồng chuyển nhượng vốn đối với trường hợp không phải chuẩn y việc chuyển nhượng vốn theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 151/2014/TT-BTC.

**13. Số 109323/CTHN-TTHT ngày 23 tháng 12 năm 2020**

**V/v chính sách thuế đ/v DNCX thanh lý TSCĐ**

Công ty là doanh nghiệp chế xuất thực hiện thanh lý tài sản cố định theo hình thức bán vào thị trường nội địa thì Công ty được lựa chọn thực hiện theo quy định tại Điều 79 hoặc Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC (xuất nhập khẩu tại chỗ), cụ thể:

- Trường hợp thực hiện theo Điều 79 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì khi bán vào nội địa Công ty liên hệ với cơ quan thuế nội địa để cơ quan thuế nội địa cấp 01 hoá đơn lẻ GTGT (theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 39/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính). Công ty sử dụng hoá đơn GTGT lẻ để xuất bán máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển được xác định bằng (=) số thuế GTGT ghi trên hoá đơn bán lẻ thanh lý máy móc, thiết bị phương tiện vận chuyển trừ (-) số thuế GTGT nộp ở khâu nhập khẩu khi chuyển đổi mục đích sử dụng;
- Trường hợp thực hiện theo Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì Công ty phải có văn bản nêu rõ lý do thanh lý, hình thức thanh lý, biện pháp thanh lý, lượng hàng cần thanh lý gửi Chi cục Hải quan quản lý DNCX và đăng ký tờ khai theo loại hình tương ứng, doanh nghiệp nội địa sẽ làm thủ tục nhập khẩu, nộp các loại thuế theo quy định. Tại thời điểm bán, thanh lý vào thị trường nội địa không áp dụng chính sách quản lý hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu trừ trường hợp hàng hoá thuộc diện quản lý theo điều kiện, tiêu chuẩn, kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện khi nhập khẩu; hàng hoá quản lý bằng giấy phép thì phải được cơ quan cấp phép nhập khẩu đồng ý bằng văn bản.



**14. Số 110283/CTHN-TTHT ngày 28 tháng 12 năm 2020**

V/v chính sách thuế nhà thầu đối với hợp đồng bán máy móc thiết bị kèm phần mềm

Nhà thầu nước ngoài phát sinh thu nhập tại Việt Nam từ cung cấp máy móc và bản quyền phần mềm trên cơ sở hợp đồng nhà thầu ký với Công ty TNHH Anritsu thì nhà thầu nước ngoài thuộc đối tượng áp dụng thuế nhà thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Chương I Thông tư số 103/2014/TT-BTC. Nếu Nhà thầu nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện để kê khai thuế trực tiếp tại Việt Nam theo quy định tại Điều 8, Mục 2, Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC thì Công ty TNHH Anritsu (bên mua hàng tại Việt Nam) có trách nhiệm kê khai, nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 Mục 3 Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC. Trường hợp hợp đồng có tách riêng được giá trị máy móc và giá trị bản quyền phần mềm thì tỷ lệ thuế GTGT, TNDN tính trên doanh thu được xác định như sau:

- Về thuế GTGT:
  - + Phần mềm máy tính thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.
  - + Máy móc thiết bị (không đi kèm các dịch vụ được thực hiện tại Việt Nam): Công ty TNHH Anritsu chỉ phải nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu.
- Về thuế TNDN:
  - + Đối với thu nhập từ bản quyền phần mềm: Tỷ lệ % thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế là 10%.
  - + Đối với máy móc thiết bị (không đi kèm dịch vụ được thực hiện tại Việt Nam): Tỷ lệ % thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế là 1%.

**ប្រកាស**